CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Thủy điện Thác Bà

Ngày 28/06/2024	42,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.8%	**10.8%**	**14.6%**

DT thuần
Q2/24
98.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.2| -11.0%
YoY: ▲ 16.0| 19.3%

LN thuần
Q2/24
33.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.9| -43.9%
YoY: ▲ 2.20| 7.1%

LN sau thuế
Q2/24
30.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.1| -39.9%
YoY: ▲ 2.10| 7.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
34.2%
YoY: +/-▼ 20.5%

ROE (TTM)
Q2/24
6.8%
YoY: +/-▼ 0.2%

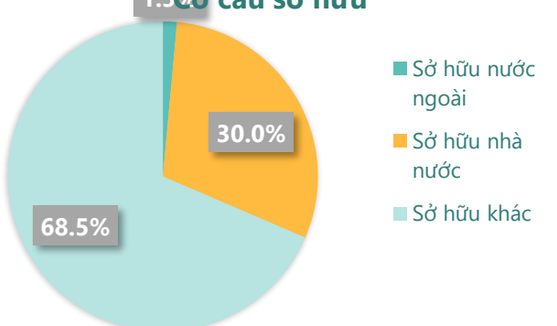
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	34,232 - 42,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,699
Số lượng CPLH (CP)	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,170
Sở hữu nước ngoài	1.5%
Beta	0.02
EPS	1,444
P/E	29.4

DT thuần
6T 2024
210
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.0| -12.5%

LN thuần
6T 2024
92.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼35.9| -28.0%

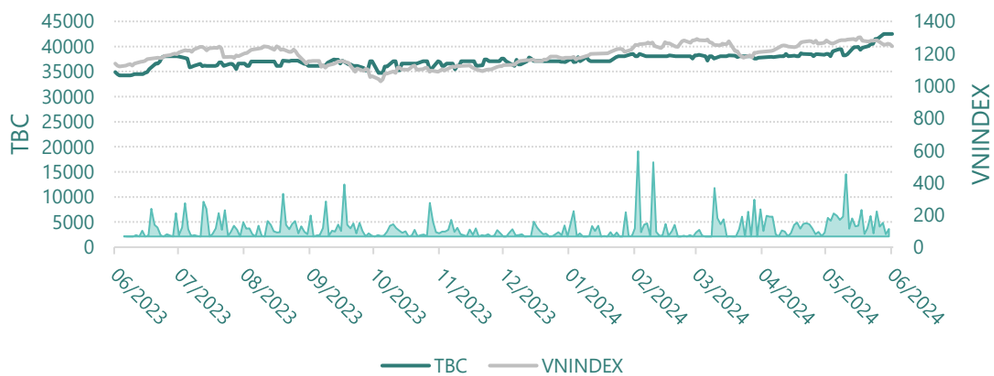
LN sau thuế
6T 2024
80.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼26.5| -25.0%

Cơ cấu sở hữu

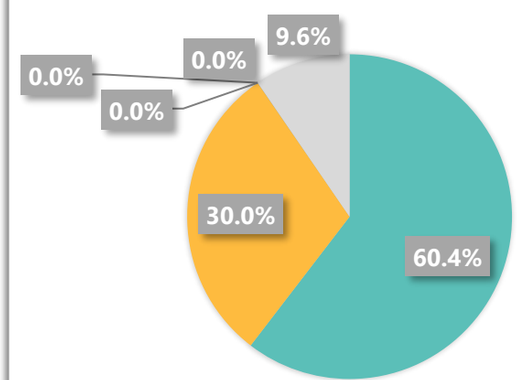


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

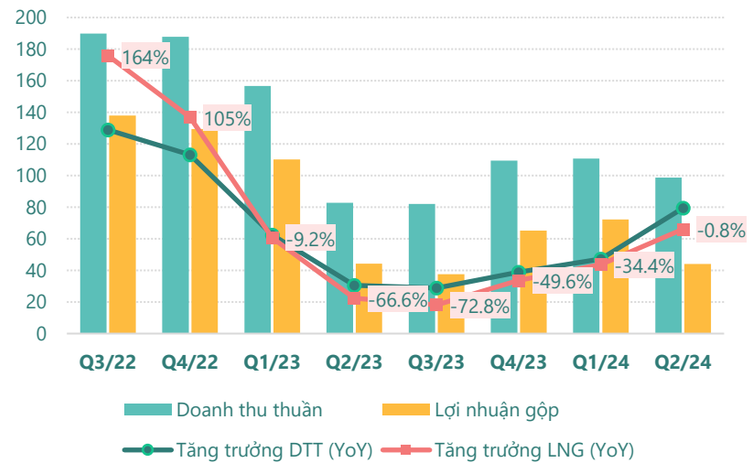


- Công ty TNHH Năng lượng REE
- Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
- Nguyễn Thị Lục
- Bùi Hoàng (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Hoài Linh (Đại diện công bố thông tin)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

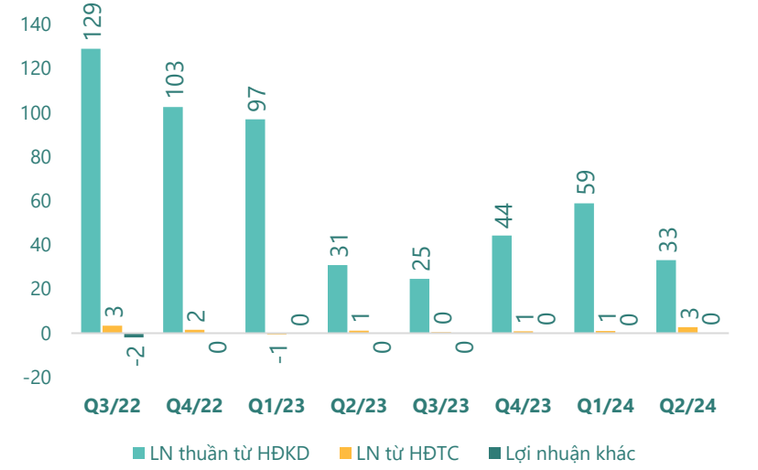
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



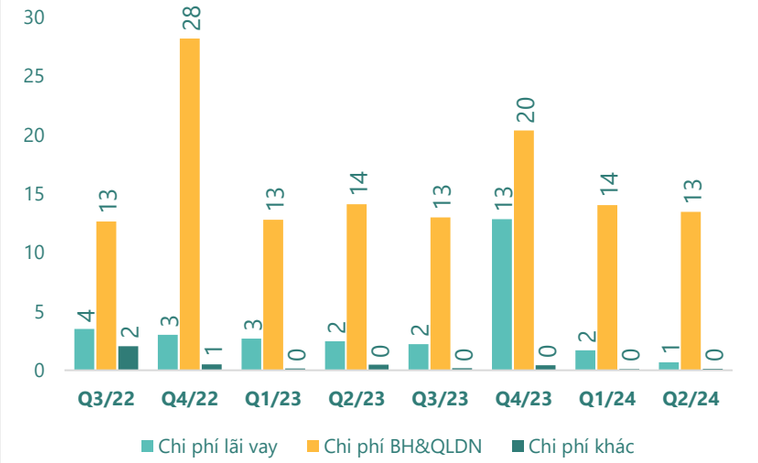
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



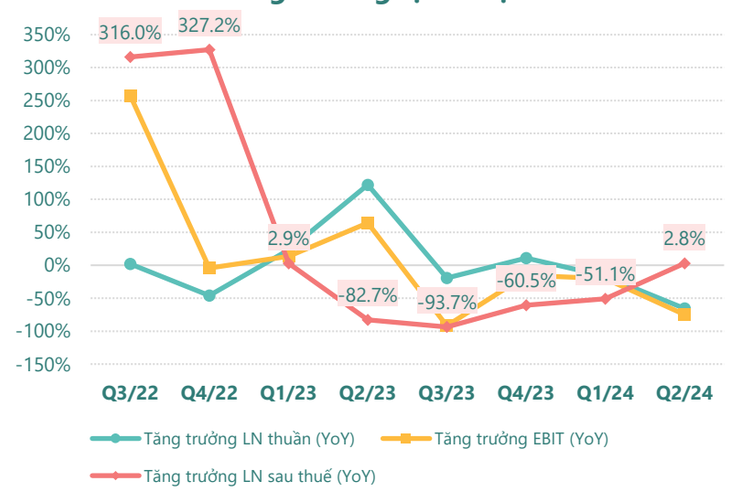
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



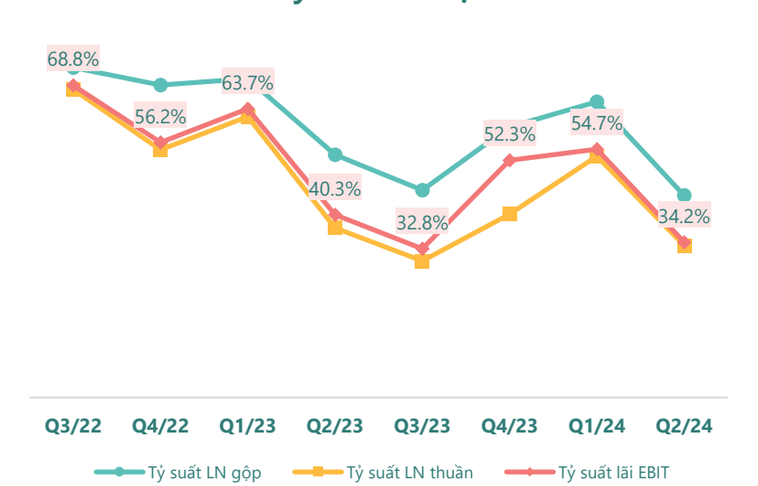
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



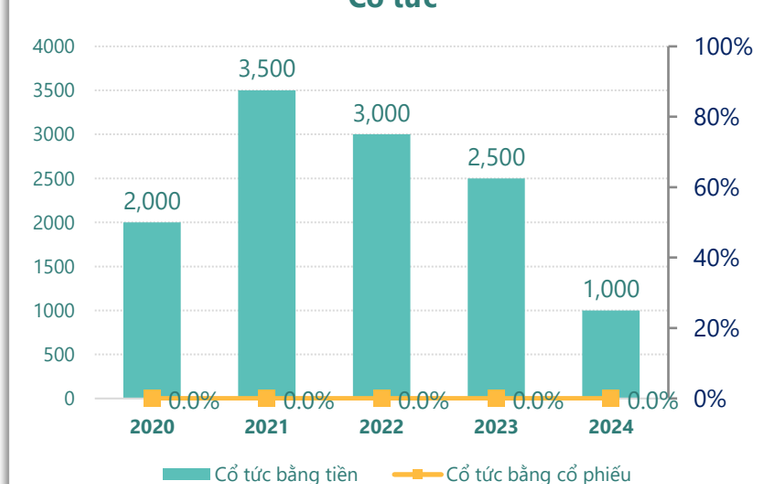
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

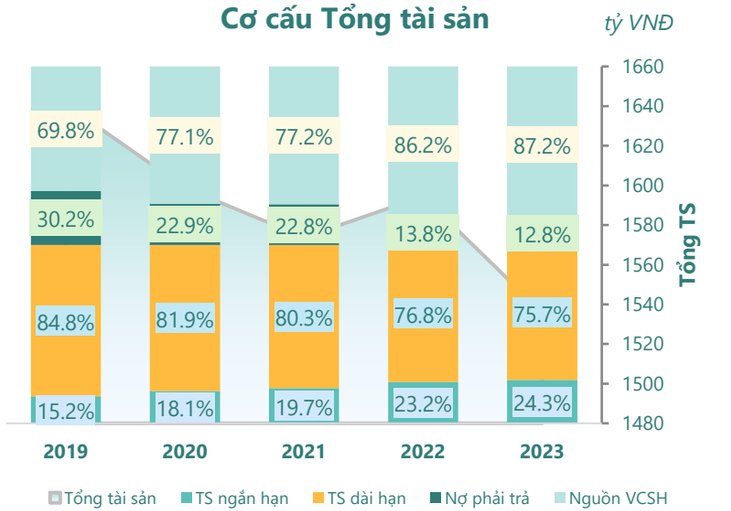
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

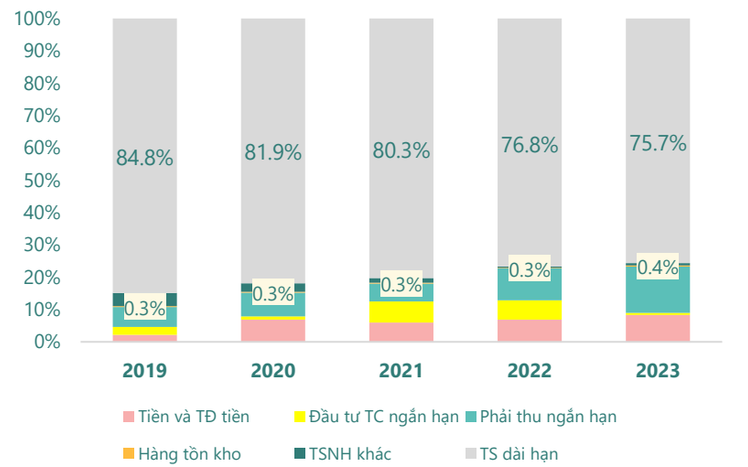
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



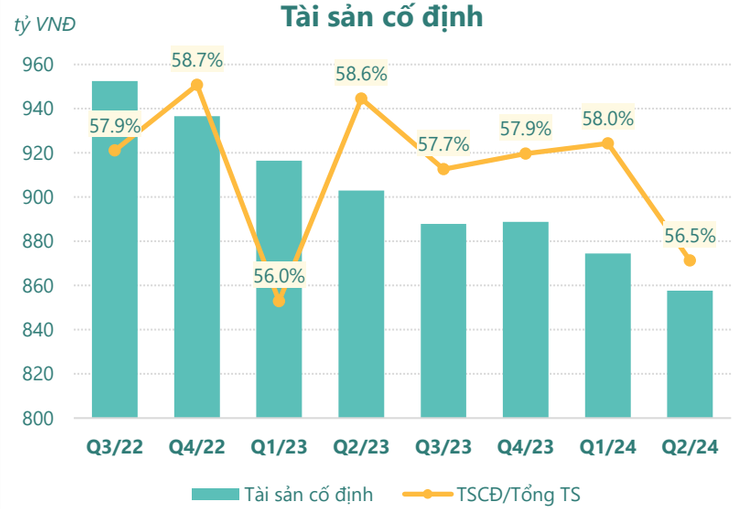
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



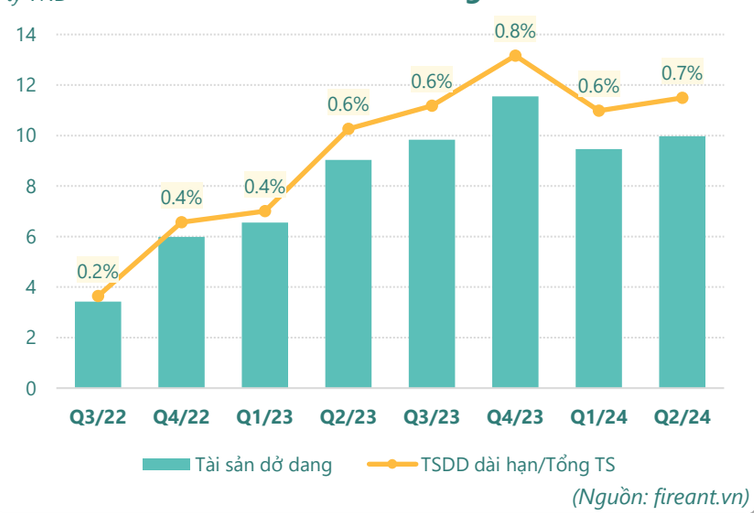
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



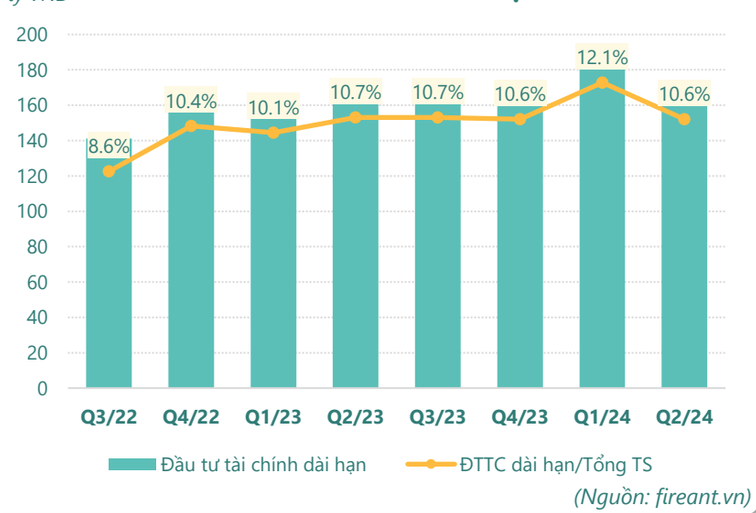
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



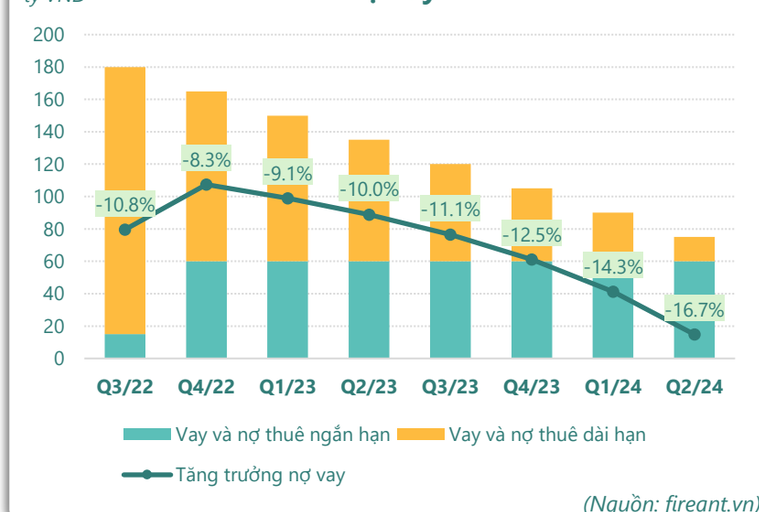
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

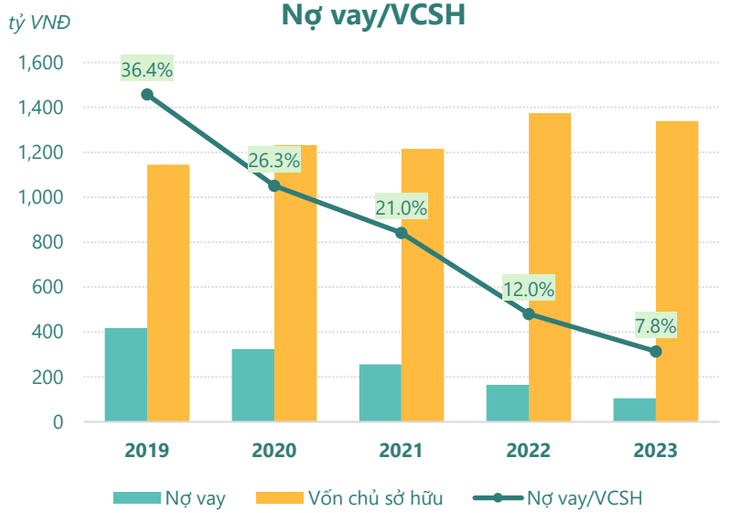
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

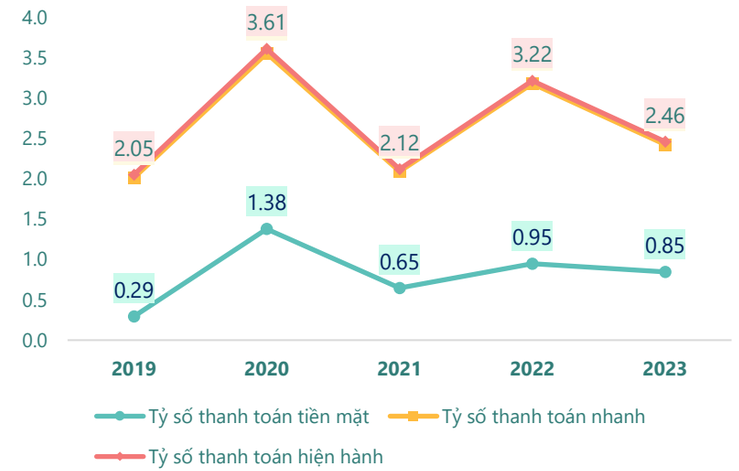
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



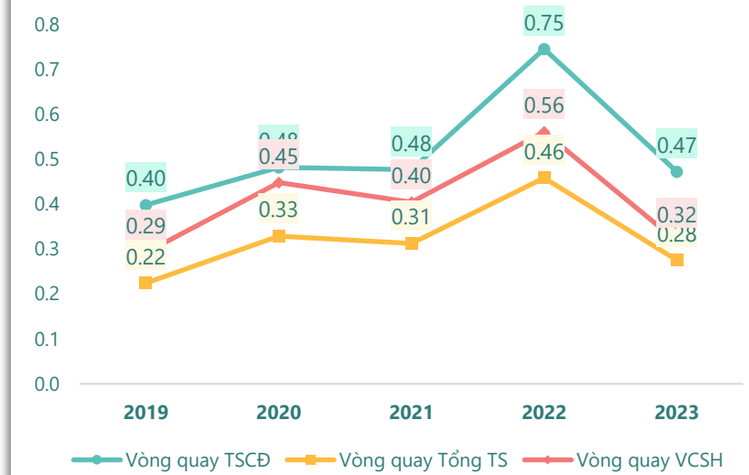
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



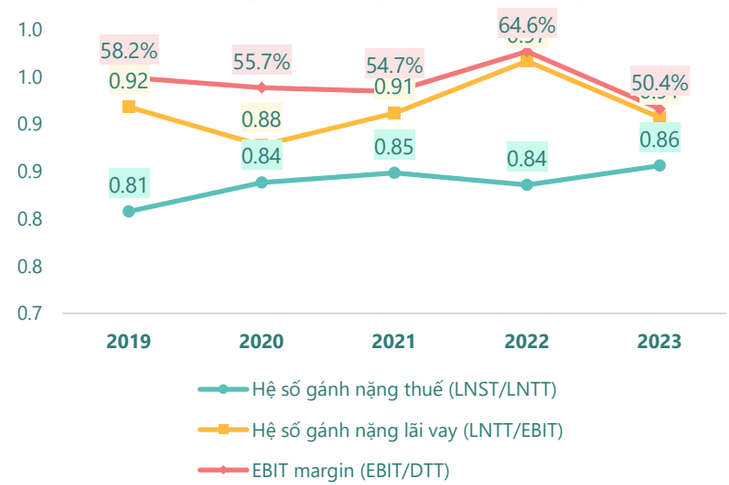
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



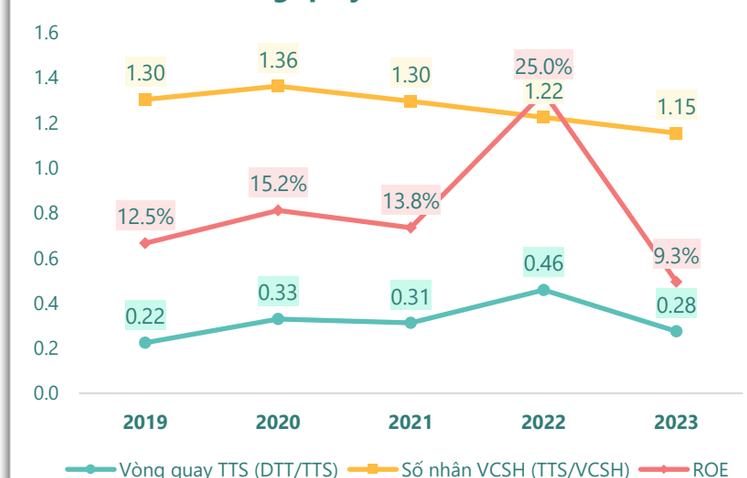
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



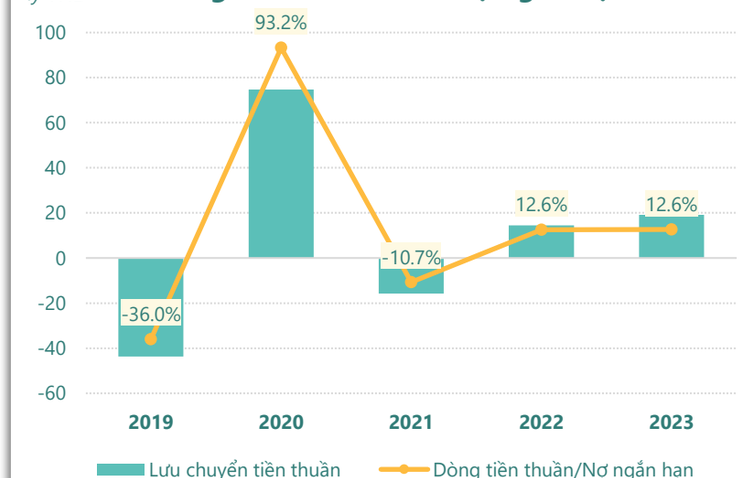
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**98.8**	**82.8**	**19.3%**	**210**	**239**	**-12.5%**
Giá vốn hàng bán	54.8	38.5	42.3%	93.4	85.0	9.9%
Lợi nhuận gộp	44.0	44.3	-0.7%	116	154	-24.8%
Doanh thu HĐTC	4.15	3.61	15.0%	6.87	5.76	19.1%
Chi phí TC	1.43	2.47	-41.9%	3.12	5.17	-39.6%
Chi phí lãi vay	0.68	2.47	-72.6%	2.36	5.17	-54.3%
LN trong công ty LKLD	**-0.12**	**-0.41**	**70.2%**	**-0.42**	**-0.21**	**-97.7%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**13.5**	**14.1**	**-4.5%**	**27.5**	**26.9**	**2.1%**
LN thuần từ HĐKD	33.1	30.9	7.1%	92.1	128	-28.0%
Lợi nhuận khác	**0.03**	**-0.04**	**175%**	**0.06**	**-0.01**	**514%**
LN trước thuế	33.1	30.9	7.2%	92.1	128	-28.0%
Lợi nhuận sau thuế	**30.2**	**28.1**	**7.5%**	**80.5**	**107**	**-25.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.8**	**16.2**	**-8.9%**	**53.9**	**87.9**	**-38.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-53.4	125	-23.4	141	78.9	37.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	26.2	13.8	34.8	-48.0	-24.5	-2.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-36.1	-110	-15.0	-34.9	-78.5	-24.5
Tiền đầu kỳ	109	45.8	74.2	70.7	128	104
Lưu chuyển tiền thuần	**-63.3**	**28.5**	**-3.57**	**57.6**	**-24.0**	**11.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	45.8	74.2	70.7	128	104	115

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,518**	**1,536**	**-1.2%**
Tài sản ngắn hạn	399	374	6.7%
Tiền và tương đương tiền	115	128	-10.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.7	10.0	157%
Phải thu ngắn hạn	247	219	12.7%
Hàng tồn kho	9.79	5.53	77.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.61	10.4	-94.2%
Tài sản dài hạn	**1,119**	**1,162**	**-3.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	858	889	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.97	11.6	-13.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	162	163	-1.1%
Tài sản dài hạn khác	**2.38**	**2.88**	**-17.1%**
Lợi thế thương mại	87.4	95.6	-8.6%
Nợ phải trả	188	197	-4.3%
Nợ ngắn hạn	**172**	**152**	**13.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.0	60.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.62	4.29	77.8%
Nợ dài hạn	16.3	45.0	-63.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.0	45.0	-66.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,329**	**1,339**	**-0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,329**	**1,339**	**-0.7%**
Vốn điều lệ	635	635	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)